

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân bổ chỉ tiêu tăng cường Trí thức trẻ tình nguyện
đến công tác tại các Khu kinh tế - quốc phòng đợt 2 giai đoạn 2021-2030**

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Quyết định số 1529/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nội dung thực hiện Dự án “Tăng cường Trí thức trẻ tình nguyện đến công tác tại các Khu kinh tế - quốc phòng” đến hết năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Dự án “Tăng cường Trí thức trẻ tình nguyện đến công tác tại các Khu kinh tế - quốc phòng giai đoạn 2010-2020”;

Căn cứ Thông tư số 92/2010/TT-BQP ngày 05 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về tổ chức quản lý, điều hành thực hiện Dự án “Tăng cường Trí thức trẻ tình nguyện đến công tác tại các Khu kinh tế - quốc phòng”;

Căn cứ Quyết định số 3544/QĐ-BQP ngày 09/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc kiện toàn Ban Quản lý Dự án “Tăng cường Trí thức trẻ tình nguyện đến công tác tại các Khu kinh tế - quốc phòng”;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kinh tế/BQP tại Tờ trình số 81 /TTr-CKT ngày 10 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ 500 chỉ tiêu Trí thức trẻ tình nguyện đợt 2 từ năm 2024-2026 của Dự án Tăng cường trí thức trẻ tình nguyện đến công tác tại các Khu kinh tế - quốc phòng giai đoạn 2021-2030 cho các đơn vị (tại phụ lục kèm theo).

Điều 2. Chỉ huy các đơn vị tổ chức triển khai đợt 2 của Dự án Tăng cường Trí thức trẻ tình nguyện đến công tác tại các Khu kinh tế - quốc phòng giai đoạn 2021-2030 thực hiện theo quy trình, quy định tại Thông tư số 92/2010/TT-BQP ngày 05 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về tổ chức quản lý, điều hành thực hiện Dự án và các quy định của pháp luật, hướng dẫn khác có liên quan; kết thúc đợt 1 theo quy định (24 tháng).

Điều 3. Quyết định này làm cơ sở cho việc sơ tuyển, tuyển chọn, tiếp nhận Trí thức trẻ tình nguyện đợt 2 và phân bổ ngân sách của Dự án khi được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Cục trưởng Cục Kinh tế/BQP, Tư lệnh các quân khu, binh đoàn, Đoàn trưởng các Đoàn kinh tế - quốc phòng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- BTMT, TCCT;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, KH&ĐT, Nội vụ, LĐ-TB&XH;
- Bộ GD &ĐT, TƯ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;
- Các Quân khu: 1, 2, 3, 4, 5, 7, 9;
- Các Binh đoàn: 15, 16;
- C23, C41, C56, C12, C17, C42;
- UBND các tỉnh (danh sách kèm theo);
- Các Đoàn KTQP (danh sách kèm theo);
- Lưu: VT, THBĐ. VT72.



Thượng tướng Vũ Hải Sản

Phụ lục

**PHÂN BỐ CHỈ TIÊU TRÍ THỨC TRẺ TÌNH NGUYỆN ĐẾN CÔNG TÁC
TẠI CÁC KHU KINH TẾ - QUỐC PHÒNG ĐỢT 2 GIAI ĐOẠN 2021 - 2030**

(Kèm theo Quyết định số ~~354~~ /QĐ-BQP ngày ~~24/01~~ /2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

TT	Đơn vị quản lý Trí thức trẻ tình nguyện	Chỉ tiêu (đội viên)	Địa bàn hoạt động
I	Quân khu 1	55	
1	Đoàn KTQP 338	20	tỉnh Lạng Sơn (05 huyện gồm 20 xã).
2	Đoàn KTQP 799	35	tỉnh Cao Bằng (04 huyện gồm 25 xã).
II	Quân khu 2	136	
1	Đoàn KTQP 379	35	tỉnh Điện Biên (04 huyện gồm 27 xã).
2	Đoàn KTQP 326	30	tỉnh Sơn La, tỉnh Điện Biên (03 huyện gồm 15 xã).
3	Đoàn KTQP 313	26	tỉnh Hà Giang (04 huyện gồm 13 xã).
4	Đoàn KTQP 345	20	tỉnh Lào Cai (02 huyện gồm 12 xã).
5	Đoàn KTQP 356	25	tỉnh Lai Châu (01 huyện gồm 08 xã).
III	Quân khu 3	20	
1	Đoàn KTQP 327	20	tỉnh Quảng Ninh (06 huyện gồm 08 xã).
IV	Quân khu 4	95	
1	Đoàn KTQP 337	24	tỉnh Quảng Trị (01 huyện gồm 05 xã).
2	Đoàn KTQP 92	12	tỉnh Thừa Thiên Huế (01 huyện gồm 05 xã).
3	Đoàn KTQP 4	35	tỉnh Nghệ An (02 huyện gồm 08 xã).
4	Đoàn KTQP 5	24	tỉnh Thanh Hóa (01 huyện gồm 05 xã).
V	Quân khu 5	75	
1	Công ty TNHH MTV Cà phê 15	20	tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông (03 huyện).
2	Đoàn KTQP 207	30	tỉnh Quảng Nam (03 huyện gồm 10 xã).
3	Đoàn KTQP 516	10	tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Nam, Bình Định (03 cụm đảo gồm 06 xã).
4	Đoàn KTQP 737	15	tỉnh Đắk Lắk (01 huyện gồm 02 xã).
VI	Quân khu 7	22	
1	Đoàn Lâm Đồng	22	tỉnh Lâm Đồng (01 huyện gồm 11 xã).
VII	Quân khu 9	50	
1	Đoàn KTQP 959	27	tỉnh Đồng Tháp (04 huyện gồm 10 xã).
2	Đoàn KTQP 915	23	tỉnh Kiên Giang (03 huyện gồm 07 xã).
VIII	Binh đoàn 15	19	tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Quảng Bình (06 huyện).
IX	Binh đoàn 16	28	tỉnh Bình Phước, Đắk Nông (05 huyện gồm 15 xã).
*	Tổng cộng:	500	

**DANH SÁCH CÁC ĐOÀN KINH TẾ - QUỐC PHÒNG VÀ ỦY BAN
NHÂN DÂN CÁC TỈNH GỬI QUYẾT ĐỊNH PHÂN BỐ CHỈ TIÊU
TĂNG CƯỜNG TRÍ THỨC TRẺ TÌNH NGUYỆN ĐẾN CÔNG TÁC TẠI
CÁC KHU KINH TẾ - QUỐC PHÒNG ĐỢT 2 GIAI ĐOẠN 2021-2030**

I. Danh sách các Đoàn kinh tế - quốc phòng (19 đoàn):

- Đoàn KTQP 338, Đoàn KTQP 799/Quân khu 1;
- Đoàn KTQP 326, Đoàn KTQP 379, Đoàn KTQP 313, Đoàn KTQP 345, Đoàn KTQP 356/Quân khu 2;
- Đoàn KTQP 327/Quân khu 3;
- Đoàn KTQP 4, Đoàn KTQP 5, Đoàn KTQP 92, Đoàn KTQP 337/Quân khu 4;
- Đoàn KTQP 207, Đoàn KTQP 516, Đoàn KTQP 737, Công ty TNHH MTV Cà phê 15/Quân khu 5;
- Đoàn Lâm Đồng/Quân khu 7;
- Đoàn KTQP 959, Đoàn KTQP 915/Quân khu 9.

II. Danh sách UBND các tỉnh (24 tỉnh):

Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Nông, Lâm Đồng, Bình Phước, Đồng Tháp, Kiên Giang.

